

Nghiên cứu quy mô cấu trúc di tích kiến trúc thời Lê tại Hoàng thành Thăng Long

Phạm Văn Triệu*, Bùi Văn Liêm**

Nhận ngày 22 tháng 3 năm 2024. Chấp nhận đăng ngày 24 tháng 5 năm 2024.

Tóm tắt: Địa điểm 36 Điện Biên Phủ đã phát hiện được 8 di tích, trong đó có 4 di tích thời Lê sơ (thế kỷ XV-XVI) và 4 di tích thời Lê Trung hưng (thế kỷ XVII-XVIII), gồm 2 loại hình nền móng kiến trúc và móng tường Cẩm thành. Cùng với các phát hiện tại Khu vực trung tâm Hoàng thành Thăng Long và 18 Hoàng Diệu đã góp phần quan trọng vào việc nhận diện không gian chính điện Kính Thiên thời Lê, thế kỷ XV-XVIII. Qua nghiên cứu, phân tích, những dấu tích liên quan đến Cẩm thành đã cho thấy được quy mô, cấu trúc của không gian chính điện Kính Thiên thời Lê so với kinh đô của các nhà nước quân chủ trong khu vực Đông Á để từ đó cung cấp thêm các bằng chứng khoa học xác đáng tiến tới phục dựng không gian Chính điện Kính Thiên.

Từ khóa: Hoàng thành Thăng Long, di tích kiến trúc, chính điện Kính Thiên, thời Lê Trung hưng.

Phân loại ngành: Khảo cổ học

Abstract: Excavation results at site 36 Điện Biên Phủ Street had discovered 8 relics, including 4 relics of the Early Lê dynasty (in the 15th-16th centuries) and 4 relics of the Lê Trung hưng (Restored Lê dynasty) (in the 17th-18th centuries), all of them belong to 2 types: architectural foundation and wall foundation of the Forbidden City. The discoveries in the central of Thăng Long Imperial Citadel and site 18 Hoàng Diệu have made an important contribution to identify the scene of Kính Thiên palace during the Lê dynasty in the 15th-18th centuries. Through research and analysis, vestiges related to the Forbidden City have shown the scale and structure of Kính Thiên palace in the Lê dynasty compared with the capitals of other monarchies in the East Asia. That provides more valid scientific evidences towards the reconstruction of Kính Thiên palace.

Keywords: Thăng Long Imperial Citadel, architectural relics, Kính Thiên palace, Lê Trung hưng period.

Subject classification: Archaeology

1. Mở đầu

Từ năm 2012 đến 2014, Viện Khảo cổ học đã tiến hành khai quật và xử lý di dời các di tích và di vật tại khu vực đường hầm, bãi xe ngầm công trình Nhà Quốc hội tại 36 Điện Biên Phủ, kết quả khai quật và nghiên cứu, chỉnh lý và xây dựng hồ sơ tư liệu khoa học về di tích đã góp phần bổ sung và làm sáng rõ hơn các giá trị của hệ thống các di tích trong tổng thể Khu Di sản Thế giới Hoàng thành Thăng Long, trong đó có những giá trị nổi bật của các di tích thời Lê, thế kỷ XV-XVIII.

Không gian của Khu di tích Hoàng thành Thăng Long hiện nay được giới hạn như sau:

- Phía Bắc là đường Phan Đình Phùng.
- Phía Nam là đường Trần Phú.

*,** Viện Khảo cổ học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

Email: trieukch1979@gmail.com

- Phía Đông là khoảng đường Phùng Hưng.
- Phía Tây ở khoảng đường Ông Ích Khiêm.

Địa điểm 36 Điện Biên Phủ nằm về phía Tây Nam của Khu di tích Hoàng thành Thăng Long: Phía Bắc giáp với khu C (nơi phát hiện được di tích kiến trúc bát giác). Phía Nam giáp với nhà riêng của Đại tướng Võ Nguyên Giáp. Phía Tây giáp với trụ sở Bộ Ngoại giao. Phía Đông giáp với Trung tâm tìm kiếm cứu nạn Quốc gia. Theo tư liệu thư tịch và tư liệu bản đồ cổ, nhất là bản đồ Hồng Đức, thì toàn bộ khu vực khai quật nằm về phía Tây Nam của khu trung tâm của Hoàng thành Thăng Long thời Lê (Hình 1 và 2). Kết quả khai quật đã tìm và xác lập được hệ thống các di tích thuộc nhiều thời kỳ, từ Tiền Thăng Long (thế kỷ IV-VI) đến thời Lê Trung hưng (thế kỷ XVII-XVIII), trong đó đáng chú ý nhất là các di tích kiến trúc thời Lê (thế kỷ XV-XVIII).

Ngoài địa điểm 36 Điện Biên Phủ, dấu tích nền móng công trình thời Lê còn phát hiện được tại Khu vực khảo cổ 18 Hoàng Diệu, nhất là Khu trung tâm của Hoàng thành Thăng Long hiện nay. Nhìn chung, các kiến trúc đều đã bị thời sau phá hủy, chỉ còn lại nền móng với các thành phần cấu tạo nên như: móng cột, bó nền.

2. Di tích thời Lê (thế kỷ XV-XVIII) tại địa điểm 36 Điện Biên Phủ

Các di tích được phân chia thành 02 thời kỳ: Lê sơ (thế kỷ XV-XVI) và Lê Trung hưng (thế kỷ XVII-XVIII).

2.1. Các di tích thời Lê sơ (thế kỷ XV-XVI)

Có 03 di tích kiến trúc móng cột và 01 di tích móng tường của Cẩm thành.

a) Di tích kiến trúc số 1 (ký hiệu 12.VH.LE.KT01)

Mặt bằng di tích hiện còn 16 móng cột hình gần tròn, đường kính trung bình từ 0,7m đến 1,2m, được đầm bằng gạch và ngói vụn. Nền kiến trúc được đắp bằng đất, dày từ 0,4 đến 0,7m, phủ đè trực tiếp lên lớp văn hoá của thời Trần.

Quy mô kiến trúc: phạm vi kiến trúc rộng 225m², trong đó chiều Đông Tây dài 25m, chiều Bắc Nam rộng 9m. Kết cấu gồm 7 vì, mỗi vì 4 móng cột: Theo chiều Đông Tây kiến trúc gồm 6 gian rộng từ 3,8m đến 4,1m. Theo chiều Bắc Nam, mỗi vì kiến trúc có 4 cột, tạo thành 3 khoảng cách: Khoảng cách 1 rộng 3m; Khoảng cách 2 rộng 2,6m; Khoảng cách 3 rộng 2m. (Hình 3)

b) Di tích kiến trúc số 2 (ký hiệu 12.VH.LE.KT.02)

Di tích gồm 16 móng cột hình vuông, kích thước trung bình 1m, xếp thành 7 hàng trong diện tích 156m², chiều Bắc Nam là 13m, chiều Đông Tây là 12m. Mặt bằng kiến trúc dài theo chiều Bắc Nam, rộng theo chiều Đông Tây, gồm 7 gian rộng đều nhau là 4m, vì kiến trúc có 4 móng cột: khoảng cách giữa 2 cột cái là 4,5m, khoảng cách giữa cột cái và cột quân rộng 2m. (Hình 4)

c) Di tích kiến trúc số 3 (ký hiệu 12.VH.LE.KT03)

Di tích gồm 11 móng cột, kích thước trung bình 0,6m x 0,6m phân bố trên diện tích 123,75m², trong đó: chiều Bắc Nam dài 16,5m, chiều Đông Tây rộng 7,5m. Và còn có thể tiếp tục phát triển về phía Bắc (phạm vi đường Tôn Thất Đàm). Theo chiều từ Đông sang Tây, kết cấu vì gồm 3 móng cột tạo thành 2 khoảng cách rộng lần lượt là: 2,2m - 4,2m, trong đó: khoảng rộng 4,2m là lòng kiến trúc, số đo 2,2m là khoảng cách giữa cột cái và cột quân. Theo chiều Bắc Nam, 11 móng cột xếp thành 5 tạo thành 4 khoảng cách gian có số đo đều nhau là 4m. (Hình 4).

d) Di tích móng tường Cẩm thành số 4 (ký hiệu 12.VH.LE.KT04) (Hình 5-6)

Bề mặt di tích đã bị phá hủy, phần móng tường được đầm bằng gạch, ngói vụn và đất sét thành từng lớp từ dưới lên trên. Mặt bằng di tích dài theo chiều Đông Tây, rộng theo

chiều Bắc Nam, diện tích xuất lộ $217,5\text{m}^2$ (chiều Bắc Nam rộng 3m, chiều Đông Tây dài 72,5m và có thể còn tiếp tục kéo dài về phía Đông và phía Tây. Sâu nhất: 1,8m. Dựa theo mặt cắt, móng tường thành gồm 23 lớp đầm theo trật tự: cứ 1 lớp gạch vụn dày trung bình từ 6cm đến 15cm thì đến lớp đất sét dày trung bình từ 6cm đến 10cm.

2.2. Các di tích thời Lê Trung hưng (thế kỷ XVII-XVIII)

Tổng số 04 di tích nền móng kiến trúc và 01 di tích móng tường của Cẩm thành. (Hình 7)

a) Di tích kiến trúc số 1 (ký hiệu 12.VH.LTH.KT01)

Di tích chỉ còn lại một số thành phần gồm 14 móng cột và 3 đoạn bó nền ở phía Nam, phía Đông và phía Tây, phía Bắc tiếp tục phát triển về phía đường Tôn Thất Đàm.

Bó nền: phía Nam còn một đoạn dài 3,5m, với 9 viên gạch nguyên và một mảnh gạch vỡ, đều được lát nghiêng. Phía Đông, còn 6 viên gạch vỡ lát nghiêng, dài 2m. Phía Tây còn dài 3,2m, với 8 viên gạch vỡ được lát nghiêng. Gạch xây dựng bó nền có màu đỏ hoặc xám, kích thước trung bình: dài 34cm, rộng 17cm, dày từ 6,5cm đến 8cm.

Mặt bằng kiến trúc có 14 móng cột phân bố trên diện tích $132,6\text{m}^2$, trong đó: chiều Bắc Nam là 13m, chiều Đông Tây là 10,2m. Theo chiều từ Bắc xuống Nam, 4 hàng móng cột tạo thành 3 khoảng cách gian số đo đều nhau là 3,8m. Theo chiều Đông Tây, mỗi vì có 4 móng cột, khoảng cách giữa 2 cột cái, lòng kiến trúc, rộng 4,1m, khoảng cách từ cột cái đến cột quân là 2,3m.

Kỹ thuật xây dựng móng cột: các móng cột đều được đầm chặt bằng gạch và đất sét thành từng lớp xen kẽ nhau từ dưới lên trên, đáy hố móng được rải một lớp gạch vỡ rất quy chuẩn. Tại mặt cắt móng cột ký hiệu MT23, có tới 24 lớp đầm theo trật tự: cứ một lớp gạch ngói dày trung bình từ 4cm đến 16cm lại đến một lớp đất sét dày từ 4cm đến 14cm.

b) Di tích kiến trúc số 2 (ký hiệu 12.VH.LTH.KT02)

Di tích còn lại 03 móng cột và một đoạn bó nền nằm về phía Nam. Bó nền dài 4m, được lát gạch theo kỹ thuật cứ một viên gạch vỡ xếp dọc rồi đến một viên gạch vỡ xếp ngang. Các móng cột phân bố trong khoảng diện tích $22,5\text{m}^2$, trong đó: chiều Bắc Nam rộng 4,5m, chiều Đông Tây dài 5m. Theo chiều từ Đông sang Tây, vì kiến trúc còn lại một khoảng cách gian duy nhất rộng 3,9m. Theo chiều từ Bắc xuống Nam, còn khoảng cách duy nhất giữa cột cái và cột quân rộng 2,8m.

Kỹ thuật xây dựng móng cột: tại mặt cắt móng cột ký hiệu MT22 còn tới 38 lớp đầm và lớp 1 ở đáy hố móng gồm 19 viên gạch hình chữ nhật và gạch vỡ màu đỏ, các lớp đầm theo trật tự: cứ 1 lớp đất sét dày từ 3cm đến 9cm lại đến 1 lớp gạch đầm vụn dày từ 6cm đến 12cm.

c) Di tích kiến trúc số 3 (ký hiệu 12.VH.LTH.KT03)

Di tích gồm 10 móng cột và bó nền. Bó nền hiện còn dài 4,46m, gồm 8 viên gạch. Các móng cột hình vuông, kích thước trung bình 1,5m, phân bố trên diện tích 99m^2 , chiều Bắc Nam là 9,8m, chiều Đông Tây là 10,1m. Theo chiều từ Đông sang Tây, kiến trúc còn 2 khoảng cách gian rộng đều nhau là 3,8m. Theo chiều từ Bắc xuống Nam, mỗi vì có 4 móng cột, lòng kiến trúc rộng 4m, khoảng cách giữa cột cái đến cột quân là 2,1m.

Kỹ thuật xây dựng kiến trúc được thể hiện qua các lớp đầm của móng cột. Tại mặt cắt các móng cột cho thấy, đáy móng cột đều có một lớp gạch vỡ, sau đó đến các lớp ngói vụn và đất sét đầm chặt xen kẽ nhau, các móng cột đều còn từ 10 đến trên 20 lớp đầm, theo trật tự: cứ 1 lớp gạch vụn đầm dày trung bình từ 7cm đến 15cm đến 1 lớp đất sét dày trung bình từ 3cm đến 8cm.

d) Di tích móng tường Cẩm thành số 4 (ký hiệu 12.VH.LTH.KT04) (Hình 8-9)

Di tích có chiều dài toàn bộ là 13m, rộng 4,2m, không còn nguyên vẹn, được phát hiện có hướng song song và cách móng tường Cẩm thành thời Lê sơ 3m về phía Đông Nam,

mặt cắt ngang hình chóp: rộng phía trên 5,6m, rộng đáy 2,9m, cao nhất 1,3m. Vật liệu của các lớp gia cố gồm có gạch, ngói, mảnh sành, gốm sứ, bao nung... lẫn đất sét nâu, đôi chỗ đất sét màu vàng, lác đác sỏi cuội nhỏ màu vàng.

Hàng gạch bó phía Bắc còn lại dài 1,2m, gồm 5 viên gạch và 1 mảnh đá xếp nghiêng. Kích thước gạch trung bình: dài 19cm x rộng 18cm x dày 9cm.

Kỹ thuật xây dựng móng tường được quan sát tại mặt cắt gồm 10 lớp, diễn biến không đều nhau, dưới cùng là lớp gạch, ngói, gốm sứ, sành, bao nung... lẫn lộn đầm vỡ nhỏ tiếp đến là lớp sét đầm.

3. Di tích thời Lê (thế kỷ XVII-XVIII) tại khu vực khảo cổ 18 Hoàng Diệu

Trong khu vực này, phát hiện được 04 dấu tích nền móng công trình kiến trúc của thời Lê, đã bị thời sau phá hủy rất mạnh, chỉ còn các móng cột với số lượng không nhiều. Các di tích ở khu vực này đều có niên đại thời Lê Trung hưng, thế kỷ XVII-XVIII

3.1. Kiến trúc số 1 (ký hiệu BD.LTH.A.KT.01)

Di tích nằm trong khoảng ô lưới tọa độ X:178 đến X:196 và Y:-110 đến Y:-139, gồm 05 móng cột được đầm gia cố bằng gạch vồ thời Lê, đất sét và các loại vật liệu khác để xây dựng như: gạch thẻ, gạch bìa đỏ. Mặt bằng kiến dài theo chiều Đông - Tây (9m), rộng theo chiều Bắc - Nam (18m) gồm 04 hàng móng cột. Theo chiều từ Bắc xuống Nam, vì kiến trúc còn 4 móng cột, khoảng cách giữa cột quân và cột cái là 2,5m, khoảng cách giữa các cột cái là 10,5m.

3.2. Kiến trúc số 2 (ký hiệu BD.LTH.A.KT.02)

Di tích xuất lộ trong khoảng vị trí tọa độ: X:183 đến X:139 và Y:-110 đến Y:-120, còn lại 16 móng cột phân bố trong khoảng diện tích 382,5m² (chiều Đông - Tây là 9m, dài theo chiều Bắc - Nam là 42,5m).

Theo chiều từ Bắc xuống Nam, kiến trúc có 09 khoảng cách gian, trong đó gian chái phía Bắc rộng 2,6m, các khoảng cách gian còn lại rộng từ 3,6m đến 4,1m. Theo chiều từ Đông sang Tây, vì kiến trúc có 03 móng cột, lòng kiến trúc rộng 4,5m, giữa cột cái và cột quân rộng 2,6m.

3.3. Kiến trúc số 3 (ký hiệu BD.LTH.A.KT.03)

Di tích nằm trong khoảng tọa độ: X :123 đến X :133 và Y :-111 đến Y :-113, gồm 03 móng cột cách đều nhau một khoảng là 4,0m xếp thành 01 hàng duy nhất theo chiều Bắc - Nam. Do vậy, có thể giả định mặt bằng kiến trúc chạy dài theo chiều Đông - Tây, rộng theo chiều Bắc - Nam.

4. Di tích kiến trúc thời Lê tại khu vực trung tâm Hoàng thành Thăng Long

Khu vực trung tâm được xác định là không gian tính từ cửa Đoan Môn đến nền điện Kính Thiên. Các cuộc khai quật đã xác định được hệ thống các di tích của thời Lê (thế kỷ XV-XVIII), tiêu biểu là các di tích sau:

4.1. Dấu tích Ngự đạo

Sau nhiều năm nghiên cứu, đến nay dấu tích Ngự đạo đã dần được xác định rõ về quy mô và cấu trúc. Xét về quy mô, di tích bắt đầu từ phía Bắc cửa Đoan Môn vào đến thềm rồng của nền điện Kính Thiên, dài khoảng 150m. Toàn bộ nền lát gạch đều đã không còn. Móng nền đường được đầm gia cố bằng gạch, ngói và đất sét, gồm có 6 lớp gạch, ngói và đất sét xen kẽ nhau, dưới cùng là một lớp đất sét lót dày từ 20cm đến 30cm, phủ đè lên lớp

văn hoá của thời Lý - Trần. “Ngự đạo” gồm 2 phần: phần chính ở giữa nổi cao nhất (đây là phần tâm của đường, rộng 3,8m, được giới hạn bởi 2 bờ bó vỉa phía đông và phía tây; phần 2 bên, rộng đều nhau là 1,1m, sẽ thấp hơn phần chính nhưng cao hơn nền bên ngoài (nền sân Đan Trì). Tiếp nối giữa “ngự đạo” và nền gạch 2 bên dấu tích là rãnh thoát nước hiện đã bị phá hủy, chỉ còn nhận diện được qua vết đất có màu nâu đen, rộng trung bình khoảng từ 25cm đến 30cm.

Dấu tích hiện nay khảo cổ học phát hiện được có niên đại thời Lê Trung hưng, nằm trùng hoàn toàn và phủ đè lên dấu tích Ngự đạo của thời Lê sơ. (Tổng Trung Tín và cộng sự, 2023) (Hình 10)

4.2. Không gian sân Đan Trì

Dấu tích sân Đan Trì có quy mô kéo dài từ cửa Đoan Môn vào đến bậc thềm rồng của nền điện Kính Thiên. Trên không gian này, có thể gồm nhiều cấp nền sân và 2 bên phía Đông và phía Tây có các công trình kiến trúc hành lang. Trên tổng thể, dấu tích nền lát gạch về cơ bản không còn nguyên vẹn, chỉ còn một số mảng nền được lát bằng gạch vồ màu xám hoặc nâu đỏ.

Dấu tích sân Đan Trì hiện nay gồm 2 lớp: lớp thời Lê Trung hưng nằm trên cùng, phủ đè lên lớp thời Lê sơ trên cùng không gian cấu trúc và quy mô.

4.3. Nền điện Kính Thiên

Nền điện Kính Thiên là khu vực cao nhất trong tổng thể không gian trục trung tâm, cuộc khai quật năm 2011, 2012 và 2023 tại đây đã phát lộ và làm rõ mặt bằng của tòa chính điện thời Lê Trung hưng, thế kỷ XVII-XVIII, được cấu thành từ 17 móng cột, trong đó có 7 móng cột hình chữ nhật kích thước trung bình 2,3m - 2,4m x 4,8m - 5,0m và 10 móng cột hình vuông kích thước trung bình 2,3m - 2,4m x 2,3m - 2,4m. Từ đó, các nhà nghiên cứu đã xác định dấu tích của điện Kính Thiên thời Lê Trung hưng có diện tích khoảng 1.485m², gồm 9 gian: 2 gian chái ngoài cùng rộng 3,4m, gian chính giữa rộng 6,8m, các gian còn lại rộng trung bình từ 5,58m đến 6,5m. (Tổng Trung Tín và cộng sự, 2023). (Hình 11). Tòa điện Kính Thiên thời Lê sơ nằm hoàn toàn trùng vị trí và bị thời Lê Trung hưng nằm phủ đè lên.

5. Bàn luận

Như vậy, trên tổng thể khu di tích Hoàng thành Thăng Long, các dấu tích thời Lê đã được khảo cổ học phát hiện với số lượng lớn, nhiều loại hình di tích, nhất là tại khu vực trung tâm. Dù vậy, những dấu tích kiến trúc thời Lê phát hiện được tại khu vực 36 Điện Biên Phủ đã có những đóng góp quan trọng trong việc xác định những đặc điểm về quy hoạch giúp cho việc đánh giá giá trị và xác định tính chất của các di tích để từ đó nhận diện quy hoạch tổng thể của kinh thành Thăng Long ở thế kỷ XV-XVIII, gồm Cẩm thành và Hoàng thành tiến tới phục dựng lại không gian chính điện Kính Thiên thời Lê Trung hưng, thế kỷ XVII-XVIII.

5.1. Dấu tích móng tường Cẩm thành thời Lê sơ và Lê Trung hưng đã chỉ ra ranh giới của Cẩm thành Thăng Long thời Lê, thế kỷ XV-XVIII.

Dấu tích móng tường Cẩm thành thời kỳ này gồm 2 giai đoạn: thời Lê sơ thế kỷ XV-XVI và Lê Trung hưng thế kỷ XVII-XVIII. Việc nhận diện đặc điểm, cấu trúc đã xác định sự thay đổi quy mô không gian của Cẩm thành Thăng Long thời Lê. Tuy nhiên, việc thay đổi này là không đáng kể và móng tường Cẩm thành thời Lê sơ còn nguyên vẹn hơn, được xây dựng kiên cố hơn so với thời Lê Trung hưng.

- Quy mô: có thể ban đầu, quy mô của 2 di tích này tương đương nhau, cùng chạy song song và cách nhau khoảng 3m và móng tường Cẩm thành thời Lê sơ nằm phía trong.

- Kỹ thuật xây dựng: sự khác biệt rõ ràng nhất giữa 2 thời kỳ được thể hiện ở kỹ thuật xây dựng móng tường. Nếu như móng tường Cẩm thành thời Lê sơ, các loại vật liệu gạch và đất sét được đầm thành từng lớp rất quy chuẩn, kiên cố, theo trật tự cứ 1 lớp vật liệu là đến 1 lớp đất sét trong hố móng sâu trung bình từ 1,8m đến 2m, gồm trên 23 lớp. Móng tường Cẩm thành thời Lê Trung hưng kém quy chuẩn và kiên cố hơn, tại vị trí mặt cắt còn nguyên vẹn nhất còn 9 lớp gồm vật liệu gạch, ngói và đất sét đầm không chặt.

Đối chiếu trên hệ trục tọa độ Hoàng thành Thăng Long, khu vực cổng Đoan Môn hiện nay trùng với móng thành thời Lê Trung hưng. Như vậy ta có thể khẳng định, dấu tích cổng Đoan Môn hiện nay thuộc thời Lê Trung hưng và tường Cẩm thành thời Lê sơ có thể nằm bên trong (phía Bắc) và cách khoảng 3m. Việc tồn tại song song 2 móng tường Cẩm thành với kỹ thuật xây dựng rất khác nhau đã góp phần khẳng định sự dịch chuyển phạm vi ranh giới không đáng kể giữa thời Lê sơ và Lê Trung hưng. Và phạm vi của Cẩm thành Thăng Long thời Lê về cơ bản trùng khớp với không gian từ cửa Đoan Môn vào đến khu vực điện Kính Thiên hiện nay.

5.2. Các kiến trúc thời Lê phát hiện được tại 36 Điện Biên Phủ phần lớn đều nằm bên ngoài móng tường Cẩm thành

Các kiến trúc thời Lê phát hiện được tại 36 Điện Biên Phủ phần lớn đều nằm bên ngoài móng tường Cẩm thành cho thấy, bên ngoài Cẩm thành còn nhiều công trình kiến trúc khác được xây dựng phục vụ cho các hoạt động của triều đình, đồng thời qua đó góp phần dự báo về tiềm năng khảo cổ tại khu vực không gian bên ngoài cửa Đoan Môn.

Trong tổng số 6 di tích, chỉ có duy nhất 1 di tích nằm bên trong Cẩm thành. Đồng thời, mật độ di tích khá đậm đặc, trong đó các di tích thời Lê Trung hưng nằm đan xen với các kiến trúc thời Lê sơ.

- Quy mô kiến trúc: mặt bằng các kiến trúc phần lớn đều không nhận diện được đầy đủ, do vậy việc xác định quy mô các kiến trúc rất khó khăn, tuy nhiên, xét trên kết cấu mặt bằng và vị trí, thì có thể, các di tích nằm bên trong móng tường, tức là thuộc Cẩm thành, sẽ có quy mô lớn hơn so với các di tích nằm bên ngoài Cẩm thành, tức là thuộc phạm vi của Hoàng thành.

Bảng 1: Quy mô kiến trúc thời Lê sơ và Lê Trung hưng tại Khu di tích Hoàng thành Thăng Long¹

Stt	Ký hiệu di tích	Diện tích (m ²)	Ghi chú
1	VH.LE.KT.01	225	Đã xuất lộ toàn bộ mặt bằng, hiện còn 15 móng cột xếp thành 6 hàng tạo nên 5 khoảng cách gian theo chiều bắc - nam.
2	VH.LE.KT.02	156	Xác định được 11 móng cột xếp thành 5 hàng tạo nên 4 khoảng cách gian, di tích còn tiếp tục phát triển ra ngoài phạm vi khai quật (khu vực đường Tôn Thất Đàm).
3	VH.LE.KT.03	123,7	Song song và cách móng tường thành thời Lê sơ khoảng 2,0m, xác định được 16 móng cột xếp thành 7 hàng tạo nên 6 khoảng cách gian, dài theo chiều đông-tây, còn tiếp tục phát triển về phía bắc, đông và tây.
4	VH.LTH.KT.01	132,6	Xác định được 14 móng cột xếp thành 4 hàng tạo nên 3 khoảng cách gian, còn tiếp tục phát triển ra ngoài phạm vi khu vực khai quật (đường Tôn Thất Đàm)
5	VH.LTH.KT.02	20	Xác định được 3 móng cột xếp thành 2 hàng tạo nên 1

¹ Ghi chú: - LE: thời Lê sơ (thế kỷ XV-XVI); - LTH: thời Lê Trung hưng (thế kỷ XVII-XVIII); - Kxd: Không xác định; - VH: địa điểm Vườn Hồng tại 36 Điện Biên Phủ; - BD: địa điểm 18 Hoàng Diệu

Stt	Ký hiệu di tích	Diện tích (m ²)	Ghi chú
6	VH.LTH.KT03	99	khoảng cách gian, còn tiếp tục phát triển về phía Tây (khu vực đường Tôn Thất Đàm), ngoài phạm vi khai quật. Xác định được 9 móng cột xếp thành 3 hàng tạo nên 2 khoảng cách gian, còn tiếp tục phát triển về phía Tây (khu vực đường Tôn Thất Đàm), ngoài phạm vi khai quật.
7	BĐ.LTH.A.KT.01	162	Mặt bằng bị phá hủy rất mạnh, hiện xác định được 7 móng cột xếp thành 2 hàng tạo nên 1 khoảng cách gian, có thể còn tiếp tục phát triển ra ngoài phạm vi khai quật (đường Hoàng Văn Thụ, đường Hoàng Diệu).
8	BĐ.LTH.A.KT.02	382,5	Di tích bị phá hủy rất mạnh, hiện xác định được 16 móng cột xếp thành 10 hàng tạo nên 9 khoảng cách gian.
9	BĐ.LTH.A.KT.03	Kxd	Khu A-18 Hoàng Diệu, duy nhất 03 móng cột xếp thành 1 hàng. Khả năng tiếp tục phát triển về phía Đông, ngoài khu vực khai quật.
10	ĐKT.LTH.KT01	1.485	Xác định được 17 móng cột, tạo thành mặt bằng kiến trúc 9 gian.

- Kết cấu kiến trúc: xét trên số lượng móng cột trong 1 bộ vì thì có thể phân thành các loại:

Bảng 2: Kết cấu kiến trúc thời Lê sơ và Lê Trung hưng tại Khu di tích Hoàng thành Thăng Long dựa trên số móng cột/vì.

Stt	Ký hiệu di tích	Các loại kết cấu		
		4 móng cột	5 móng cột	6 móng cột
1	VH.LE.KT.01			x
2	VH.LE.KT.02	x		
3	VH.LE.KT03		x	
4	VH.LTH.KT01	x		
5	VH.LTH.KT02		Kxd	
6	VH.LTH.KT03	x		
7	BĐ.LTH.A.KT.01	x		
8	BĐ.LTH.A.KT.02		Kxd	
9	BĐ.LTH.A.KT.03		Kxd	
10	ĐKT.LTH.KT01			x

Số lượng móng cột/vì sẽ quyết định đến kết cấu và quy mô của công trình kiến trúc, từ bảng thống kê trên có thể thấy:

- + Loại 4 móng cột chiếm số lượng lớn với 4/7 di tích, chiếm tỉ lệ 57,1%.
- + Loại 5 móng cột chỉ có duy nhất 1 di tích, chiếm tỉ lệ 14,3%
- + Loại 6 móng cột có 2 di tích, chiếm tỉ lệ 28,6%.

Xét trên vị trí phân bố: loại 6 móng cột chỉ xuất hiện ở các di tích nằm bên trong Cẩm thành, gồm di tích ký hiệu VH.LE.KT.01 và di tích chính điện Kính Thiên (ký hiệu ĐKT.LTH.KT01).

Xét về niên đại cho thấy có sự tương đồng về quy mô, kết cấu mặt bằng kiến trúc, tức ở mỗi loại kết cấu thì đều gặp ở cả 2 thời kỳ (Lê sơ và Lê Trung hưng) điều đó cho thấy tính kế thừa rất cao và không có sự khác biệt giữa 2 thời kỳ này.

- Kỹ thuật xây dựng kiến trúc: thể hiện qua kỹ thuật xây dựng các móng cột của kiến trúc. Nhìn chung, trên toàn bộ khu di tích Hoàng thành Thăng Long, các móng cột thời Lê Trung hưng thường có kích thước lớn hơn, được xây dựng kiên cố hơn so với thời Lê sơ, các tư liệu tại 36 Điện Biên Phủ là minh chứng cụ thể nhất. (Hình 12)

Thời Lê sơ, móng cột thường hình vuông, kích thước trung bình khoảng từ 0,9-1m. Vật liệu xây dựng chủ yếu là đất sét và các mảnh ngói được đầm thành từng lớp xen kẽ nhau, thường có từ 5 đến 7 lớp đầm nhưng không chặt (Hình 13-14).

Đến thời Lê Trung hưng, các móng cột lớn hơn, kích thước trung bình 1,5m x 1,5m, trong đó móng cột kiến trúc chính điện Kính Thiên lớn nhất là 2,4m x 2,4m, ngoài ra cũng tại di tích này còn tìm thấy loại móng cột hình chữ nhật, chiều dài gấp đôi chiều rộng (2,4m x 4,8m). Đây là loại móng cột thường thấy trong các kiến trúc thời Lý và thời Trần. Kỹ thuật xây dựng móng cột rất kiên cố với trung bình từ 10 lớp đầm trở lên, có móng cột tới 28 lớp. Đáy của hố móng cột thường được xếp lót 1 lượt gạch vồ (Hình 15 - 16).

Nghiên cứu, đánh giá các di tích kiến trúc thời Lê tại 36 Điện Biên Phủ đã góp phần vào việc nghiên cứu Chính điện Kính Thiên thời Lê trong cấu trúc không gian trung tâm của Cẩm thành khu vực Đông Á, tiến tới phục dựng Chính điện Kính Thiên thời Lê Trung hưng tại Khu trung tâm Di sản thế giới Hoàng thành Thăng Long.

Không gian Chính điện Kính Thiên thời Lê là Không gian thiêng quan trọng nhất của kinh đô Thăng Long và của Việt Nam trên các phương diện quy hoạch Kinh đô, kiến trúc, nghệ thuật, mỹ thuật, tâm linh, vị trí và chức năng. Không gian này gồm ba thành phần kiến trúc cơ bản: *Chính điện Kính Thiên, sân Đan Trì* (hay sân Đại Triều), cửa *Đoan Môn*. Sở dĩ gọi điện Kính Thiên là *Chính điện* là vì đây là nơi Hoàng đế cử hành nghi lễ Đại triều và các nghi lễ Quốc gia quan trọng hàng đầu của đất nước. Ngay sau khi chiến thắng giặc ngoại xâm, tháng 4 năm 1428, sách *Đại Việt sử ký toàn thư*, chép: “Vua từ điện tranh Bồ Đề vào đóng ở thành Đông Kinh” (tức thành Thăng Long), lên ngôi Hoàng đế, đổi tên thành Thăng Long là thành Đông Kinh (*Đại Việt sử ký toàn thư*, 1998: 293). Chính trong năm này: “Vua làm điện Vạn Thọ, lại làm Tả, Hữu điện, điện Kính Thiên, điện Cần Chính” (*Đại Việt sử ký toàn thư*, 1998c: 298).

Tại Chính điện Kính Thiên, trong suốt hơn 300 năm tồn tại, trải qua các triều Lê sơ, Mạc, Lê Trung hưng, đây là nơi triều đình thực hiện nhiều nghi lễ cấp Quốc gia, như: Thiết lễ Đại triều năm 1433, Hoàng đế đăng quang năm 1527, ban bố lệnh Đại xá năm 1513, tiếp đón sứ thần các năm 1488, 1499, tổ chức thi tuyển nhân tài của đất nước trong các năm 1466, 1475, 1481, 1596,...

Cấu trúc kinh đô cổ thường đều có một tòa điện trung tâm để làm nơi thiết triều hay đúng hơn là nơi tiến hành các nghi lễ Đại triều và các nghi lễ quan trọng bậc nhất liên quan tới sự hưng vong của quốc gia, dân tộc.

Ở kinh đô Huế (thế kỷ XIX-XX), nổi bật ở trung tâm Hoàng thành là điện Thái Hòa nơi các vua Nguyễn cử hành nghi lễ Đại triều ở điện Thái Hòa.

Ở Tử Cẩm Thành thời Minh - Thanh (Bắc Kinh, Trung Quốc) là điện Thái Hòa (thời Minh gọi là điện Phụng Thiên) (còn gọi là điện Hoàng Cực, điện Kim Loan), nơi tượng trưng cho quyền lực của Hoàng gia và là nơi tiến hành các nghi lễ trọng đại quốc gia như Hoàng đế lên ngôi, ban bố các chiếu thư trọng yếu,... Tại kinh đô Trường An thời Đường, tòa điện trung tâm là điện Thái Cực thuộc Cung Thành và sau đó là điện Hàm Nguyên thuộc cung Đại Minh.

Ở Nhật Bản, ví dụ nổi bật là tòa Đại Cực điện ở Đẳng Nguyên cung (Fujiwara Kysù) (694-710), ở Bình Thành Cung (Heijō Kyū) (710-784), Bình An Cung (Heian Kyū) (794-1869). Các sử gia Nhật Bản cũng gọi Đại Cực điện là tòa Chính điện.

Ở Hàn Quốc ví dụ nổi bật là Chính điện Sabigung, kinh đô Bách Tế (thế kỷ VI).

Không gian chính điện Kính Thiên thế kỷ XV-XVIII trong nghiên cứu so sánh với các nước khu vực Đông Á cho thấy về cơ bản quy mô và diện mạo không gian Chính điện Kính Thiên, kinh đô Huế và một vài kinh đô khác ở Trung Quốc, Hàn Quốc và Nhật Bản đều có sự khác nhau ít nhiều.

- So với Chính điện kinh đô Huế

Không gian Chính điện Thái Hòa rộng ước khoảng trên 10.000m² gồm 2 tòa kiến trúc song song với nhau và được nối liền với nhau bằng hệ thống trần thừa lưu thoát nước. Mặt bằng điện Thái Hòa dài hơn 40m, rộng hơn 30m. Tòa Hậu điện có kích thước lớn hơn và là nơi đặt ngai vàng tượng trưng cho quyền lực Hoàng đế. Nóc tòa nhà Hậu điện cao 10,25m, nóc nhà Tiền điện cao 8,3m. (Hình 17-18)

- So với không gian Chính điện Thái Hoà (Bắc Kinh, Trung Quốc)

Tổng diện tích của không gian Chính điện Bắc Kinh rất lớn, nếu tính từ Ngọ Môn thì ước khoảng 100.000m². Nếu tính từ Thái Hòa môn ước khoảng trên 60.000m². Chính điện Tử Cấm thành thời Minh - Thanh (thế kỷ XIV-XX) có cấu trúc khác biệt gồm 3 tòa tách rời nhau: Thái Hòa điện hình chữ nhật dài 63,96m, rộng 37,17m, cao 26,92m là nơi Hoàng đế ngự thiết lễ Đại triều. Trung Hoà điện (hình vuông) nơi Hoàng đế chuẩn bị trước khi ngự tại Thái Hòa điện. Bảo Hoà điện là nơi Hoàng đế cử hành tiệc rượu và thân hành triệu khảo trong các kỳ thi quốc gia tuyển chọn nhân tài. (Hình 25)

- So với không gian Chính điện Nhật Bản

Không gian Chính điện kinh đô Fujiwara, Nhật Bản, đầu thế kỷ thứ VIII là Chính điện sớm của Nhật Bản dài 155m, rộng 115m, tổng diện tích 17.825m². Không gian này chỉ có 1 tòa Chính điện ở giữa dài 45m, rộng 21m, cao 25m. (Hình 19)

Không gian Chính điện thứ nhất của kinh đô Nara, Nhật Bản (710-784) dài 318m, rộng 177m, tổng diện tích khoảng 56.286m². Không gian Chính điện thứ hai của Nara dài 122m, rộng 88m, tổng diện tích 10.736m². Đại Cực điện thứ hai của kinh đô Nara có 2 kiến trúc: toà Chính điện ở phía trước, phía sau có một tòa Hậu điện kích thước nhỏ hơn và được nối liền với Chính điện bằng Hồi lang. Tòa Hậu điện cũng nằm luôn trên đường Hồi lang phía bắc. (Hình 20). Không gian chính điện kinh đô Nara đã được phục dựng năm 2010 (Hình 22-23)

Không gian Chính điện Kyoto, Nhật Bản (794-1869) dài 127m, rộng 111m, tổng diện tích 14.097m². Kết cấu tòa Chính điện Kyoto gần với kết cấu Chính điện thứ hai ở Nara. Tuy nhiên, tòa Hậu điện lại tách hẳn ra khỏi hồi lang và tạo cho tổng mặt bằng của Chính điện Kyoto có hình chữ “công” (工). (Hình 21). Chính điện Kyoto đã được phục dựng lại từ khoảng cuối thế kỷ XIX (Hình 24)

- So với kinh đô Bách Tế (Hàn Quốc)

Ở kinh đô Bách Tế, Hàn Quốc (khoảng thế kỷ VI-VII), Chính điện chỉ có một tòa nhưng nằm ở chính giữa hồi lang phía Bắc. Toàn bộ khu vực không gian Chính điện đã được phục dựng năm 2009-2010 (Hình 26)

6. Kết luận

Trong suốt hơn 3 thế kỷ, kinh thành Thăng Long có nhiều biến động tự nhiên và xã hội, điều đó đã tác động trực tiếp đến sự thay đổi diện mạo của các cung điện nói riêng và tổng thể kinh đô Thăng Long nói chung, tuy nhiên, với những phát hiện khảo cổ học cho thấy, những thay đổi là không đáng kể, về cơ bản, khu vực trung tâm của Hoàng thành Thăng Long thời Lê sơ và Lê Trung hưng là trùng khớp nhau. Cho đến nay, việc nghiên cứu không gian chính điện Kính Thiên thời Lê Trung hưng đang được đẩy mạnh bằng các cuộc khai quật khảo cổ học tại khu vực này, do vậy, chắc chắn sẽ còn phát hiện thêm được những tài liệu mới, nhưng với những phát hiện về di tích tại 36 Điện Biên Phủ đã đóng góp nhiều tư liệu có giá trị trong việc xác định không gian của Cấm thành và Hoàng thành thời Lê: những phát hiện về móng tường Cấm thành, không gian của Hoàng thành, quy mô mặt bằng các công trình kiến trúc, nhất là đã phân lập được nền móng kiến trúc thời Lê sơ và

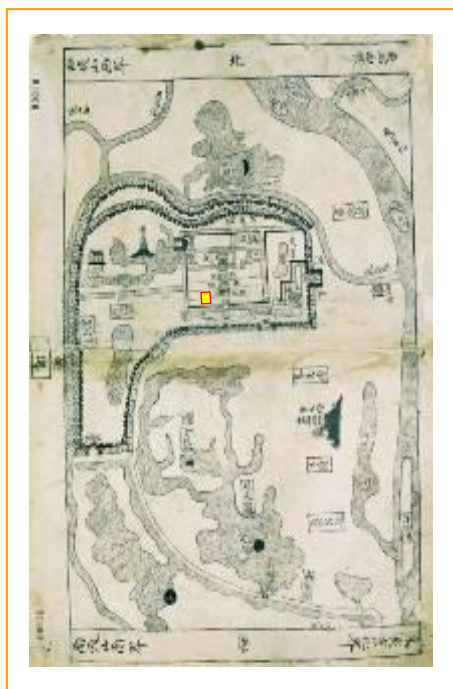
Lê Trung hưng thông qua nghiên cứu về vật liệu và kỹ thuật xây dựng,..., qua đó nhận diện được tính chất kế thừa gần như tuyệt đối trên một không gian thiêng của Tử Cấm, khẳng định tính chất, giá trị lịch sử văn hóa trong việc nghiên cứu toàn diện về kinh đô Thăng Long giai đoạn từ thế kỷ XV đến thế kỷ XVIII. Nhìn rộng ra, trong cấu trúc kinh đô của các nhà nước quân chủ phương Đông, đều có khác nhau về quy mô, nhưng luôn luôn tồn tại một không gian quyền lực, không gian thiêng trong khu vực Cấm thành. Những tư liệu nghiên cứu về thời Lê tại Hoàng thành Thăng Long, đặt trong không gian khu vực là những bằng chứng xác thực nhất để tiến tới phục dựng lại không gian thiêng của Kinh đô Thăng Long.

Để hiện thực hoá, cần có những bước đi thận trọng, khách quan trong nghiên cứu và đánh giá tư liệu, tuy nhiên, với những lộ trình và kế hoạch đang được triển khai, chúng ta hoàn toàn tin tưởng trong một tương lai rất gần, khu trung tâm quyền lực, chính trị của các triều đại phong kiến Việt Nam (thời Lý, Trần, thời Lê sơ, thời Mạc và thời Lê Trung hưng) sẽ hiện hữu, giới thiệu và quảng bá rộng rãi đến du khách trong và ngoài nước.

Tài liệu tham khảo

- Đại Việt sử ký toàn thư*. (1998b). Tập II. Nxb. Khoa học xã hội.
- Đại Việt sử ký toàn thư*. (1998c). Tập III. Nxb. Khoa học xã hội.
- Fujwara Palace and Capital Properties. (2004). *Nara. Japan*.
- Hà Văn Tấn. (Chủ biên, 2002). *Khảo cổ học Việt Nam*. Tập III. Nxb. Khoa học xã hội./ *Vietnamese Archaeology, volume III. Publishing House of Social Sciences, Hà Nội*.
- Kikuyo Court Culture Institute. (2005). Hoàng cung Kyoto, Nhật Bản. *Kyoto Imperial Palace. Kyoto, Japan*.
- The Birth of “Nippon” - The Asuka and Fujiwara Capital. (2002). 50 năm Lịch sử Viện nghiên cứu di sản Quốc gia Nara, Nhật Bản. *The fifty - year History of the National research Institute for Cultural properties. Nara, Japan*.
- Nguyễn Quang Ngọc. (2005). Thành Thăng Long thời Lý - Trần - Lê: Đôi lời bàn thêm về phạm vi, vị trí của Hoàng thành và Cung thành. *Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử*. Số 2 (345).
- Nguyễn Quang Ngọc. (2006). Thăng Long thời Lý - Trần - Lê dưới ánh sáng của các nguồn tư liệu mới. *Tạp chí Khảo cổ học*. Số 1.
- Phan Huy Lê. (2006). Vị trí khu di tích khảo cổ học 18 Hoàng Diệu trong cấu trúc thành Thăng Long - Hà Nội qua các thời kỳ lịch sử. *Tạp chí Khảo cổ học*. Số 1.
- Phan Huy Lê. (2007). Càng nghiên cứu, càng nhận thức sâu sắc hơn giá trị khu di tích Hoàng thành Thăng Long tại 18 Hoàng Diệu. *Tạp chí Khảo cổ học*. Số 1.
- Phan Huy Lê. (2015). Cấu trúc Kinh thành Thăng Long và vị trí, phạm vi Cấm thành qua các thời kỳ lịch sử. *Tạp chí Khảo cổ học*. Số 5, 7-37.
- Phạm Lê Huy. (Chủ biên, 2022). *Tuyển tập bài viết nghiên cứu Nhật Bản - Đô thành Nhật Bản và Đông Á*. Nxb. Thế giới.
- Tổng Trung Tín. (2004). Kết quả thăm dò khảo cổ học Đuan Môn, Bắc Môn, Hậu Lâu, 62 - 64 Trần Phú và vấn đề vị trí, quy mô của Hoàng thành Thăng Long thời Lý - Trần - Lê. *Tạp chí Khảo cổ học*. Số 4.
- Tổng Trung Tín, Nguyễn Thanh Quang và Đỗ Đức Tuệ. (2023). Cấu trúc nền móng và mặt bằng điện Kính Thiên thời Lê Trung hưng tại Khu trung tâm Hoàng thành Thăng Long - Hà Nội qua các phát hiện khảo cổ học. *Tạp chí Khảo cổ học*. Số 5, 25-38.
- Viện Khảo cổ học. (2016). *Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ Hoàn thiện hồ sơ địa điểm khai quật khu vực xây dựng đường hầm và bãi xe ngầm công trình Nhà Quốc hội, năm 2015-2016*. Tư liệu Ban Chủ nhiệm Dự án.
- Đặng Tú (2015). Quần thể di tích cổ đô Huế, Việt Nam. <https://BMKTCN - ĐHXD - Quần thể di tích Cổ đô Huế, Việt Nam, Bộ môn Kiến trúc và Công nghệ- Đại học Xây dựng Hà Nội>.
- Vân Anh. Tử Cấm thành – nơi những bí ẩn tồn tại giữa lòng Bắc Kinh hoa lệ. <https://dulichchat.com/tu-cam-thanh-noi-nhung-bi-an-ton-tai-giua-long-bac-kinh-hoa-le/>

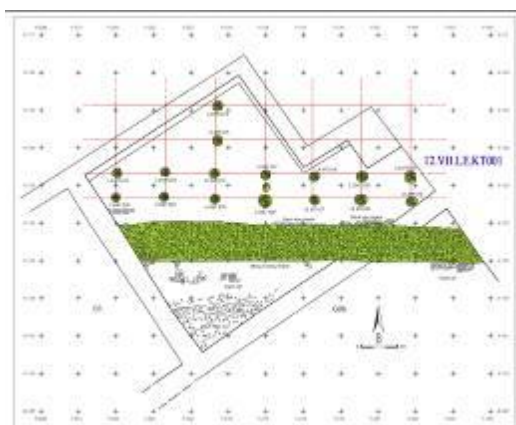
MINH HỌA



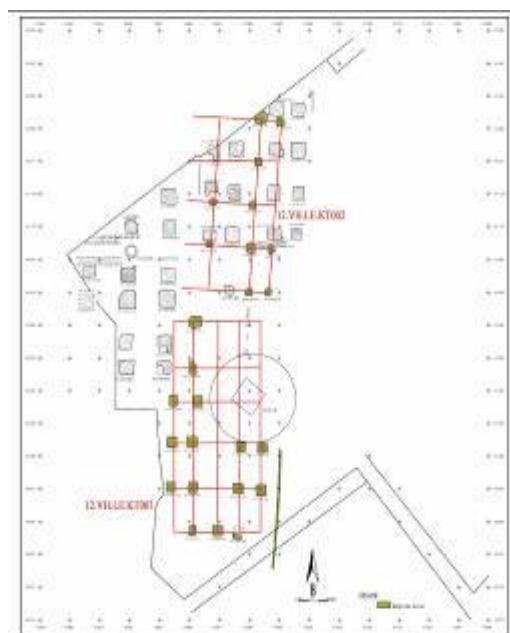
Hình 1: Vị trí địa điểm 36 Điện Biên Phủ trên bản đồ Hồng Đức. Nguồn: Viện Khảo cổ học, 2016



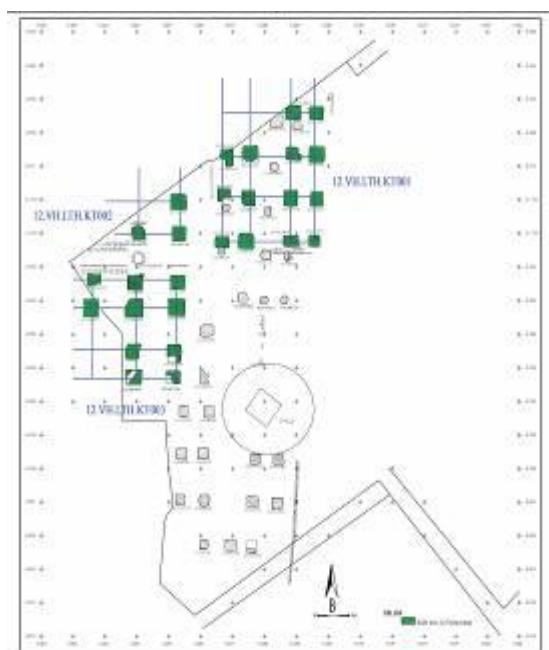
Hình 2: Vị trí địa điểm 36 Điện Biên Phủ, trên bản đồ thành Hà Nội thời Nguyễn. Nguồn: Viện Khảo cổ học, 2016



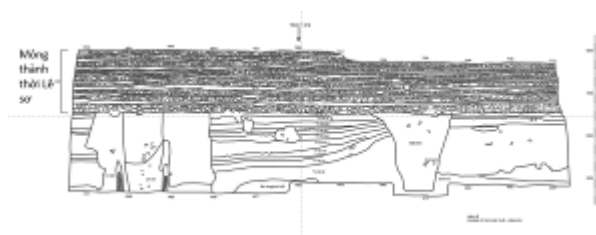
Hình 3: Mặt bằng di tích 12.VH.LE.KT01. Bản vẽ: Nguyễn Đăng Cường. Đồ họa: Phạm Văn Triệu



Hình 4: Mặt bằng kiến trúc thời Lê sơ. Bản vẽ: Nguyễn Đăng Cường. Xử lý đồ họa: Phạm Văn Triệu.



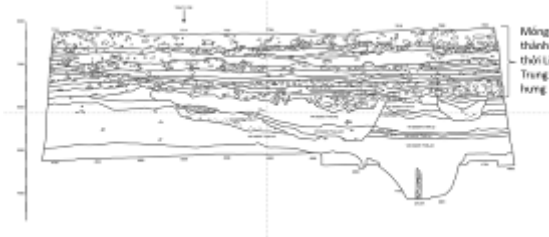
Hình 7: Mặt bằng kiến trúc thời Lê Trung hưng. Bản vẽ: Nguyễn Đăng Cường. Xử lý đồ họa: Phạm Văn Triệu



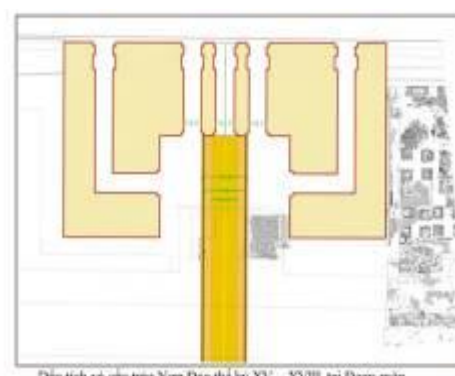
Hình 5. Mặt cắt dọc móng tường Cẩm thành thời Lê sơ. Bản vẽ: Nguyễn Mai Oanh. Đồ họa: Phạm Văn Triệu.



Hình 6: Mặt cắt ngang móng thành thời Lê sơ. Ảnh: Nguyễn Hữu Thiết

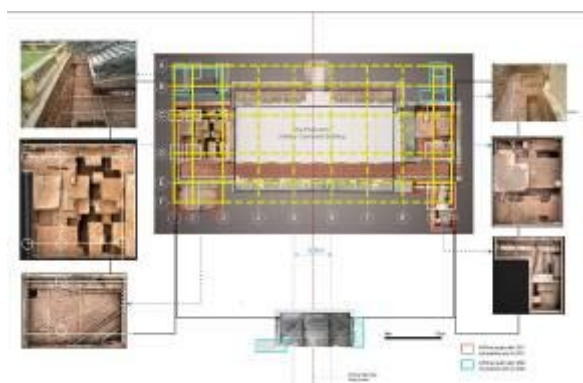


Hình 8. Mặt cắt dọc móng tường thành thời Lê Trung hưng. Bản vẽ: Nguyễn Mai Oanh. Đồ họa: Phạm Văn Triệu



Hình 9: Mặt cắt ngang móng Cẩm thành thời Lê Trung hưng. Ảnh: Nguyễn Hữu Thiết.

Hình 10: Dấu tích Ngự đạo thời Lê. Nguồn: Tổng Trung Tín và nnk, 2023.



Hình 11: Giả định phân gian mặt bằng kiến trúc chính điện Kính Thiên thời Lê Trung hưng.
Nguồn: Tống Trung Tín và nnk, 2023



Hình 12: Kỹ thuật xây dựng móng cột kiến trúc thời Lê sơ và Lê Trung hưng. Ảnh: Nguyễn Hữu Thiết. Diễn giải minh họa: Phạm Văn Triệu.



Hình 13: Mặt bằng móng cột thời Lê sơ. Ảnh: Nguyễn Hữu Thiết



Hình 14: Mặt cắt các lớp đầm móng cột thời Lê sơ. Ảnh: Nguyễn Hữu Thiết



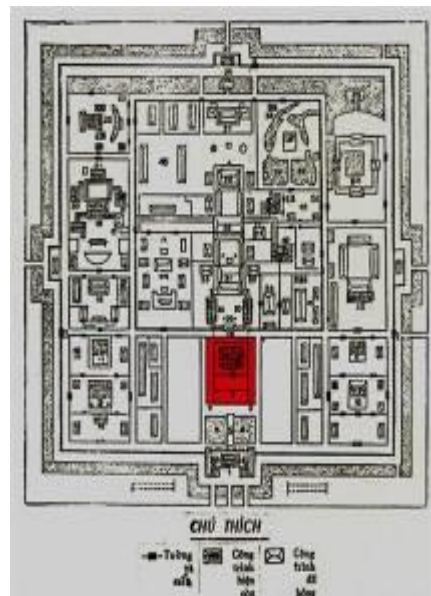
Hình 15: Mặt cắt móng cột thời Lê Trung hưng. Ảnh: Nguyễn Hữu Thiết.



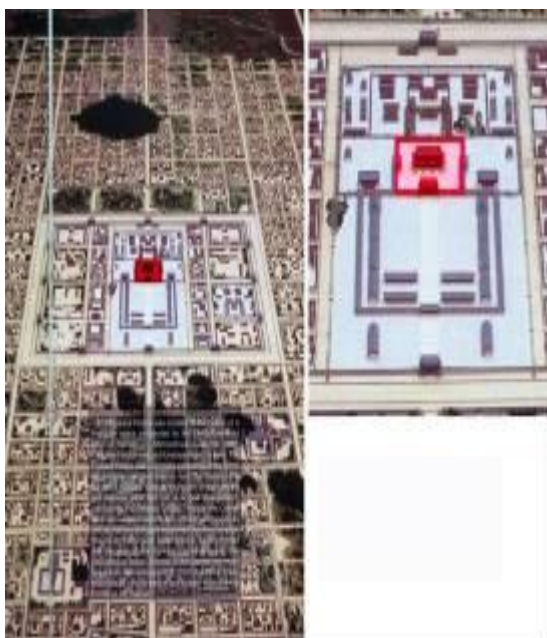
Hình 16: Móng cột kiến trúc thời Lê Trung hưng tại khu A 18 Hoàng Diệu. Ảnh: Phạm Văn Triệu



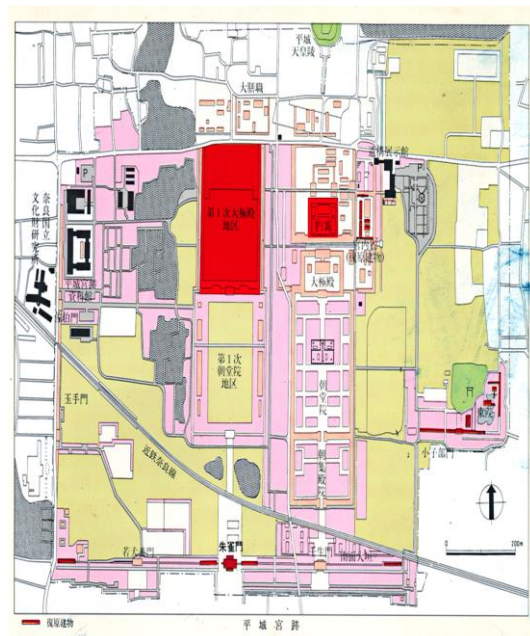
Hình 17: Chính điện Thái Hòa (Huế),
Ảnh: Phạm Văn Triệu.



Hình 18: Sơ đồ không gian Chính điện Thái Hòa. Nguồn: <https://BMKTCN - ĐHXD - Quân thể di tích Cổ đô Huế, Việt Nam>, Bộ môn Kiến trúc và Công nghệ- Đại học Xây dựng Hà Nội.



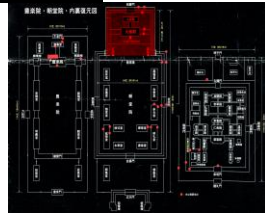
Hình 19: Không gian Chính điện Fujiwara (Nhật Bản, năm 794-1869). Nguồn: Phạm Lê Huy, 2022.



Hình 20: Không gian chính điện thứ nhất và thứ hai ở Nara (Nhật Bản, năm 710-784). Nguồn: Phạm Lê Huy, 2022.



12. Không gian chính điện Kyoto (Nhật Bản, năm 794-1869)

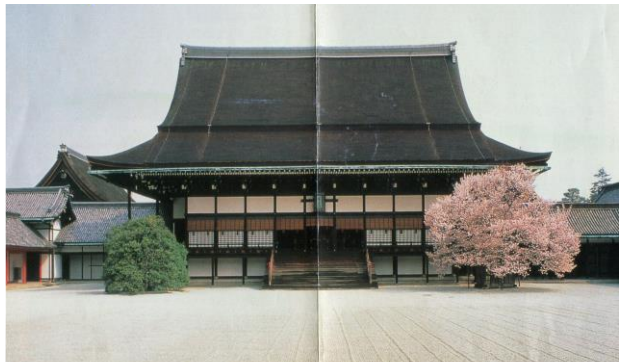


Hình 21: Không gian Chính điện Kyoto (Nhật Bản, năm 794-1869). Nguồn: Phạm Lê Huy, 2022.

Hình 22: Phục dựng mô hình không gian Chính điện thứ hai ở Nara (Nhật Bản). Nguồn: Phạm Lê Huy, 2022.



Hình 23: Chính điện Nara thứ nhất về phục dựng đầy đủ. Năm 2010 đã phục dựng xong di tích này. Nguồn: Phạm Lê Huy, 2022.



Hình 24: Chính điện Kyoto được phục dựng hồi cuối thế kỷ XIX. Nguồn: Phạm Lê Huy, 2022.



Hình 25: Chính điện Thái Hòa (Bắc Kinh – Trung Quốc). Nguồn: <https://dulichchat.com/tu-cam-thanh-noi-nhung-bi-an-ton-tai-giua-long-bac-kinh-hoa-le/>



Hình 26: Chính điện Bách Tế (Hà Nội) phục dựng năm 2009-2010. Nguồn: Phạm Lê Huy, 2022.